

Số: 106/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án phát triển nguồn thu ngoài hoạt động đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; Nghị quyết số 39/NQ-ĐHNT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHNT ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường về Phiên họp thứ XIII của Hội đồng trường, nhiệm kỳ 2020-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Đề án phát triển nguồn thu ngoài hoạt động đào tạo của Trường Đại học Nha Trang”.

Điều 2. Giao các trường đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp để phát triển nguồn thu ngoài hoạt động đào tạo đã nêu tại Đề án phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Phục vụ Trường học và các trường đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Đảng ủy (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG



ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN THU NGOÀI HOẠT ĐỘNG
ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Khánh Hòa, tháng 01 năm 2024

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|-------|--------------------------|
| BGDĐT | : Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| CBVC | : Cán bộ viên chức |
| CP | : Chính phủ |
| CTNT | : Chỉ tiêu nội bộ |
| CTr | : Chương trình |
| CSVN | : Cơ sở vật chất |
| ĐU | : Đảng ủy |
| HĐT | : Hội đồng trường |
| KHCN | : Khoa học công nghệ |
| NCKH | : Nghiên cứu khoa học |
| NQ | : Nghị quyết |
| NSNN | : Ngân sách Nhà nước |
| NĐ | : Nghị định |
| QĐ | : Quyết định |
| TT | : Trung tâm |
| TSCĐ | : Tài sản cố định |

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT..... | 2 |
| 1. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN..... | 4 |
| 2. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN | 5 |
| 3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NGUỒN THU NGOÀI HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG GIAI ĐOẠN 2018-2021..... | 5 |
| 3.1. Kết quả đạt được..... | 5 |
| 3.2. Tồn tại hạn chế | 6 |
| 4. NHÓM GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY NGUỒN THU NGOÀI HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG..... | 7 |
| 4.1. Nhóm giải pháp thứ nhất: Cải thiện và từng bước nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ dành cho sinh viên (ăn uống, lưu trú, học tập, giải trí) | 7 |
| 4.2. Nhóm giải pháp thứ hai: Tăng cường nguồn thu từ hoạt động NCKH, hợp tác Quốc tế và chuyển giao công nghệ | 8 |
| 4.3. Nhóm giải pháp thứ ba: Tăng cường hợp tác nghiên cứu và đào tạo với các đối tác ngoài Trường để khai thác hiệu quả CSVC hiện có của Trường (Trại Cam Ranh, Trại Ninh Phụng, mặt bằng đất đai thuộc Khuôn viên Trường, nhà xưởng, phòng học, máy móc thiết bị...) | 9 |
| 4.4. Nhóm giải pháp thứ tư: Thành lập doanh nghiệp Khoa học công nghệ thuộc Trường quản lý (nhằm nghiên cứu KH ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ, ...) | 10 |
| 4.5. Nhóm giải pháp thứ năm: Tranh thủ các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân ngoài Trường để đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, ..., phục vụ các hoạt động sinh viên Trường..... | 12 |
| 4.6. Nhóm giải pháp thứ sáu: Xây dựng cơ chế tự chủ cho các Viện, Trung tâm trực thuộc Trường..... | 14 |
| 5. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN GIẢI PHÁP ĐỂ TĂNG CƯỜNG NGUỒN THU | 14 |

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động một số CS GDDH 2014-2017;
- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/05/2018 của BCHTW về cải cách chính sách tiền lương đối với CBCC, VC, LL VT và NLĐ;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về quản lý, sử dụng tài sản công;
- Quyết định số 1529/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2021 của Bộ GD&ĐT về phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của trường ĐHTT;
- Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21/02/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí;
- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước;
- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN.
- Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;
- Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Thông tư số 348/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định tài chính thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHCN thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025;
- Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ tài chính về quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước 2022 (Điều 4);
- Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 6/4/2022 của Bộ tài chính HD quản lý tài chính Nhà nước với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài;
- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Quyết định số 335/QĐ-BGDĐT ngày 15/1/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định tài sản có giá trị lớn sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GD&ĐT;

- Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/03/2021 của Hội đồng trường về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Nha Trang;

- Nghị quyết số 1038/NQ-ĐHNT ngày 06/10/2021 của Hội đồng trường về ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2015;

- Quyết định số 1268/QĐ-ĐHNT ngày 26/11/2021 của Hiệu trưởng ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công;

- Nghị quyết 1512/NQ-ĐHNT ngày 11/12/2020 của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của trường ĐHTN.

2. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Đề xuất các giải pháp thúc đẩy nguồn thu ngoài hoạt động đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang và tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm hướng đến tăng cường khả năng tự chủ của Nhà trường trong thời gian tới.

3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NGUỒN THU NGOÀI HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG GIAI ĐOẠN 2018-2021

3.1. Kết quả đạt được

Bảng 1: Thống kê các khoản thu ngoài hoạt động đào tạo giai đoạn 2018 -2021

(ĐVT: ngàn đồng)

| TT | NỘI DUNG | Năm 2018 | | Năm 2019 | | Năm 2020 | | Năm 2021 | |
|----|---|----------|------------|----------|------------|----------|------------|----------|------------|
| | | % | Giá trị | % | Giá trị | % | Giá trị | % | Giá trị |
| 1 | Lãi tiền gửi ngân hàng | 72,1 | 27.238.124 | 77,7 | 24.924.418 | 78,2 | 26.084.984 | 89,1 | 26.214.878 |
| 2 | Ký túc xá | 11,7 | 4.434.529 | 5,2 | 1.665.080 | 11,5 | 3.847.775 | -0,1 | (36.585) |
| 3 | Tiền thu cho thuê cơ sở vật chất (Trung tâm hỗ trợ thực hành - Văn Phong, sân vận động...) | 7,3 | 2.747.305 | 9,7 | 3.098.258 | 6,2 | 2.055.252 | 4,7 | 1.375.285 |
| 4 | Tiền thu từ nộp dịch vụ của các Khoa, Viện, trung tâm | 5,6 | 2.109.288 | 3,2 | 1.017.544 | 2,7 | 908.982 | 3,4 | 1.006.637 |
| 5 | Phí quản lý đề tài, dự án thực hiện tại trường | 1,3 | 476.786 | 0,8 | 254.667 | 1,1 | 355.170 | 2,9 | 843.052 |
| 6 | Các khoản tài trợ, ủng hộ từ cựu sinh viên, Doanh nghiệp, các tổ chức bên ngoài (bảo năm 2017; 60 | 2,0 | 762.000 | 3,5 | 1.112.860 | 0,0 | - | 0,0 | - |

| TT | NỘI DUNG | Năm 2018 | | Năm 2019 | | Năm 2020 | | Năm 2021 | |
|----|---|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|
| | | % | Giá trị | % | Giá trị | % | Giá trị | % | Giá trị |
| | năm thành lập Trường năm 2019...) | | | | | | | | |
| 7 | Thu khác (dịch vụ phân tích mẫu, 2 hợp đồng dịch vụ) | 0,0 | 12.113 | 0,1 | 18.040 | 0,3 | 98.946 | 0,1 | 30.237 |
| | TỔNG | | 37.780.145 | | 32.090.867 | - | 33.351.110 | - | 29.433.504 |

(Nguồn: Phòng KHTC)

Trong giai đoạn 2018-2021, hàng năm nguồn thu ngoài hoạt động đào tạo chiếm khoảng 12% so với tổng nguồn thu. Cụ thể, từ bảng thống kê cho thấy các khoản thu ngoài hoạt động đào tạo tại Trường khá đa dạng từ nhiều hoạt động khác nhau, trong đó khoản thu từ lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và không kỳ hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu qua các năm, tiếp đến là khoản thu từ ký túc xá và cho thuê cơ sở vật chất, các khoản thu còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Giá trị các khoản thu ngoài hoạt động đào tạo có xu hướng giảm qua các năm, từ 37.780.145 ngàn đồng năm 2018 xuống còn 29.433.504 ngàn đồng năm 2021, tương ứng với mức giảm 8.346.641 ngàn đồng. Việc giảm này đều diễn ra ở các khoản mục, trong đó giảm nhiều nhất là khoản thu ký túc xá do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tiếp đến là khoản thu cho thuê cơ sở vật chất, lãi tiền gửi ngân hàng và tỷ lệ % nộp của Khoa, Viện, Trung tâm.

3.2. Tồn tại hạn chế

- Khoản thu ngoài hoạt động đào tạo của Trường chiếm tỷ trọng khá thấp chưa tương xứng với tiềm năng của Trường. Các khoản thu ngoài hoạt động đào tạo vẫn phụ thuộc chính vào khoản thu lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và không kỳ hạn;
- Chưa khai thác hết các lợi thế về cung cấp các dịch vụ dành cho sinh viên (ăn uống, nghỉ ngơi, học tập, giải trí);
- Chưa có các khoản thu về chuyển giao công nghệ, thu từ kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học triển khai trong thực tế. Hiện tại, các khoản thu của hoạt động KHCN thực hiện tại Trường mới dừng lại ở hình thức thu hộ - chi hộ, mức độ đóng góp nguồn thu từ hoạt động này cho Trường là quá thấp;
- Chưa đầu tư nâng cấp, khai thác hiệu quả thế mạnh về vị trí, mặt bằng, cơ sở vật chất của Nhà Trường hiện có;
- Chưa khai thác có hiệu quả mối quan hệ hợp tác với các tổ chức và cá nhân ngoài Trường để đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho Nhà trường;
- Hoạt động đào tạo và bồi dưỡng cấp chứng chỉ, chứng nhận ngắn hạn tổ chức một cách rời rạc, chưa tập trung một đầu mối quản lý dẫn đến hiệu quả chưa cao.

4. NHÓM GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY NGUỒN THU NGOÀI HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

4.1. Nhóm giải pháp thứ nhất: Cải thiện và từng bước nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ dành cho sinh viên (ăn uống, lưu trú, học tập, giải trí)

4.1.1. Cơ sở đề xuất

- Về năng lực phục vụ và chất lượng các dịch vụ dành cho sinh viên: Theo kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên, năng lực phục vụ đối với dịch vụ ăn uống và học tập tại NTU ở mức thấp. Chất lượng dịch vụ đối với các hoạt động ăn uống, lưu trú và học tập ở mức trung bình. Do đó, cần tăng cường năng lực phục vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ đối với các hoạt động ăn uống, lưu trú và học tập để phục vụ sinh viên tốt hơn.

- Về quy hoạch không gian cho các dịch vụ phục vụ sinh viên: Trường ĐHNТ có khuôn viên rộng (~20 hecta), chiều dài cung đường từ Toà nhà Viện KHCN & KTTS – G7 – G 4 – G8 – SVĐ – G2 khoảng 1 km). Tuy nhiên, phần lớn dịch vụ đang tập trung co cụm trong một diện tích nhỏ (Mặt tiền đường Nguyễn Đình Chiểu, xung quanh KTX K3-4-5, xung quanh Nhà thi đấu. Các khu vực còn lại đang thiếu dịch vụ đáp ứng nhu cầu ăn/uống và học tập cho SV và GV nhất là trong điều kiện lịch trình gấp gáp khi học tín chỉ. Do đó, quy hoạch lại không gian cho các dịch vụ ăn uống/học tập phục vụ sinh viên, giảng viên tại các khu vực G7, khu hiệu bộ, G3 và khu vực thư viện là cần thiết.

- Về thẩm mỹ: hiện tại các khu vực kinh doanh dịch vụ cho thấy thiết kế và thi công một cách tùy tiện, thiếu thẩm mỹ, chưa theo một quy hoạch tổng thể, chưa tương xứng với vẻ đẹp của khuôn viên trường. Một vài cơ sở kinh doanh phía mặt tiền đường Nguyễn Đình Chiểu có cách hành xử phản cảm về việc chiếm dụng vỉa hè, gây ảnh hưởng tới hình ảnh Nhà Trường. Như vậy, Nhà trường cần chuẩn hoá về thiết kế, thi công và xây dựng quy định tiêu chuẩn phục vụ cũng như kiểm soát vấn đề thẩm mỹ, hạn chế tình trạng tự phát và ngẫu hứng của các nhà thầu tổ chức kinh doanh dịch vụ.

- Về cơ chế chính sách: Nhà trường chưa xây dựng cơ chế chính sách đối với các hoạt động dịch vụ phục vụ sinh viên dẫn đến việc khai thác, sử dụng còn nhiều bất cập, chưa thực sự thu hút các đối tác vào tham gia cung cấp các dịch vụ phục vụ sinh viên. Điều này dẫn đến việc quản lý thiếu đồng bộ. Như vậy, cần xây dựng cơ chế để thu hút các đối tác ngoài trường vào cung cấp dịch vụ phục vụ sinh viên, tránh những bất cập trong quá khứ, đảm bảo tuân thủ pháp lý và những tiêu chuẩn chung của Nhà trường cũng như gia tăng tính hiệu quả trong việc khai thác các dịch vụ phục vụ sinh viên.

- Dự kiến về hiệu quả tài chính: Theo kết quả khảo sát SV, trong tổng số khoảng 30 tỷ tiền chi tiêu hàng tháng cho dịch vụ, chỉ có chưa đầy 5 tỷ được chi tiêu bên trong khuôn viên Nhà trường. Tổng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ còn khiêm tốn so với tiềm năng khai thác. Như vậy, nếu tận dụng và cung cấp tốt các dịch vụ ăn uống, lưu trú và học tập tại Trường thì việc gia tăng nguồn thu từ việc khai thác dịch vụ phục vụ sinh viên là khả thi.

4.1.2. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường năng lực phục vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ đối với các hoạt động ăn uống, lưu trú và học tập để phục vụ sinh viên tốt hơn, cụ thể:

+ Rà soát lại hiện trạng dịch vụ cung cấp về lưu trú/ăn uống, học tập và xây dựng kế hoạch cải tạo/tu sửa hiện trạng đang khai thác hướng tới gia tăng chất lượng phục vụ cũng như năng lực phục vụ để gia tăng phí sử dụng dịch vụ.

+ Nâng cao năng lực phục vụ và chất lượng dịch vụ cung cấp cho sinh viên đáp ứng đa dạng nhu cầu sinh hoạt về ăn uống/lưu trú và học tập

- Quy hoạch tổng thể không gian cho các dịch vụ trong khuôn viên chính của Trường và tại các cơ sở khác (Trung Tâm GDQP& AN tại Cam Lâm, Trại thực nghiệm NTTS nước ngọt Ninh Phụng, Trại thực nghiệm NTTS nước mặn Cam Ranh)

+ Quy hoạch lại không gian dịch vụ cho sinh viên/giảng viên nhằm khai thác tối đa diện tích trên nguyên tắc đảm bảo tính thuận tiện, an ninh và văn hóa học đường.

+ Chuẩn hóa về thẩm mỹ thiết kế/bố trí không gian cung cấp dịch vụ theo hướng sinh thái, hài hòa với không gian chung của môi trường học tập, tránh tình trạng bê tông hóa.

- Xây dựng cơ chế để thu hút các đối tác ngoài trường vào cung cấp dịch vụ phục vụ sinh viên, tránh những bất cập trong quá khứ, đảm bảo tuân thủ pháp lý và những tiêu chuẩn chung của Nhà trường cũng như gia tăng tính hiệu quả trong việc khai thác các dịch vụ phục vụ sinh viên.

- Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát và hỗ trợ trong vận hành các dịch vụ trong Trường từ an ninh, công tác phòng cháy, hậu cần phục vụ dịch vụ kết hợp với xây dựng văn hóa học đường và đầu tư tài chính xây dựng cơ sở hạ tầng.

4.2. Nhóm giải pháp thứ hai: Tăng cường nguồn thu từ hoạt động NCKH, hợp tác Quốc tế và chuyển giao công nghệ

4.2.1. Cơ sở đề xuất

- Số lượng đề tài các cấp còn ít, chỉ tập trung một số Khoa/Viện chưa tương xứng với năng lực đội ngũ hiện có của Nhà trường.

- Hội thảo cấp Quốc gia, Quốc tế tổ chức tại Trường hiện tại chưa thu phí.

- Số sản phẩm từ kết quả NCKH có thể thương mại hóa còn ít; các hợp đồng CGCN còn khiêm tốn so với tiềm lực hiện có của Nhà trường.

- Hiện tại Nhà trường chưa thu phí các bài viết đăng trên tạp chí KH-CN Thủy sản.

- Số lượng dự án quốc tế hiện nay đã có sự gia tăng nhưng còn khá khiêm tốn về quy mô giá trị dự án, chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ đóng góp cho Nhà trường;

- Một số dự án yêu cầu chia sẻ nguồn lực (hiện nay chủ yếu chia sẻ bằng cơ sở vật chất, thời gian của cán bộ) chưa thu phí quản lý.

4.2.2. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường kết nối các đơn vị trong và ngoài trường để xây dựng các đề tài, dự án nhằm bổ sung nguồn thu từ đề tài NCKH, dự án; xây dựng kế hoạch kết nối, tiếp thị với các doanh nghiệp đối với các lĩnh vực nghiên cứu mà Nhà trường có thế mạnh.

- Xây dựng quy chế về việc tổ chức Hội thảo cấp Quốc gia, Quốc tế (đặc biệt là cơ chế tài chính để tiến tới đảm bảo tự trang trải và tạo ra nguồn thu từ các hoạt động này, tập trung đầu tư cho hoạt động quảng bá cho hội nghị, hội thảo và các bên liên quan; tổ chức xây dựng mạng lưới, kết nối trong hợp tác NCKH, đào tạo và CGCN).

- Xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy việc thương mại hóa từ kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ từ các đề tài nghiên cứu khoa học; hợp đồng tư vấn dịch vụ-công nghệ; các hợp đồng chuyển giao tài sản trí tuệ.

- rà soát bổ sung trong quy chế về thể lệ đăng bài nội dung thu phí và mức phí đối với các bài viết gửi đăng trên tạp chí KHCNTS để có nguồn tài trợ cho hoạt động này của Trường (tiền phản biện, tiền xuất bản...).

- Đầu tư cho các nhóm nghiên cứu của Nhà trường, từng bước bồi dưỡng hình thành nhóm nghiên cứu mạnh theo quy định nhằm tăng cường xây dựng nhiều hồ sơ dự án để xin tài trợ quốc tế cũng như nghiên cứu, phát triển các sản phẩm đặc thù, thế mạnh và truyền thống của Nhà trường.;

4.3. Nhóm giải pháp thứ ba: Tăng cường hợp tác nghiên cứu và đào tạo với các đối tác ngoài Trường để khai thác hiệu quả CSVC hiện có của Trường (Trại Cam Ranh, Trại Ninh Phụng, mặt bằng đất đai thuộc Khuôn viên Trường, nhà xưởng, phòng học, máy móc thiết bị...)

4.3.1. Cơ sở đề xuất

Nhà trường đã có nhiều hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn tài chính vào hai trại này nhưng có thể nói hiệu quả mang lại chưa thực sự như mong đợi. Một trong những hạn chế tồn tại trong khai thác hai trại Cam Ranh và Ninh Phụng đó là:

- Thứ nhất, chưa có đánh giá một cách toàn diện về lợi thế và nhu cầu cần khai thác; chủ thể sử dụng chưa mạnh dạn đề xuất hướng khai thác, sử dụng hiệu quả của cơ sở này.

- Thứ hai, cơ chế, chính sách chưa rõ ràng, khả năng tự chủ của các đơn vị khai thác chưa được phát huy và chưa phân định rõ trách nhiệm trong quản lý vận hành các hạng mục đầu tư.

- Thứ ba, chưa xác định rõ mục đích, nhu cầu sử dụng cho công tác đào tạo (thực hành, thực tập...) và nghiên cứu khoa học; công tác sản xuất và thương mại hóa sản phẩm. Chính vì vậy, hiệu quả sử dụng, khai thác tài sản hiện có chưa cao.

Với hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại được đầu tư để phục vụ chủ yếu cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhưng hiệu suất sử dụng còn thấp; chưa xây dựng

cơ chế để tạo nguồn thu từ dịch vụ kiểm mẫu, gia công cơ khí của xưởng thực hành cơ khí trong khi chi phí bảo hành, bảo dưỡng Nhà trường còn phải bỏ ra khá lớn.

Nhà trường chưa có không gian phù hợp cho các hoạt động kinh doanh, giới thiệu sản phẩm của nhà trường. Mặt tiền đường Nguyễn Đình Chiểu, Khu vực Thư viện, khu nhà đá chưa khai thác tốt đồng thời dẫn đến các vấn đề về mỹ quan trường học và nạn sạt lở vào mùa mưa. Những khu vực này cần đưa vào Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê để khai thác dịch vụ nhằm gia tăng nguồn thu cho trường.

4.3.2. Giải pháp thực hiện

Gắn việc khai thác sử dụng với chủ trương hình thành các doanh nghiệp KHCN và tự chủ các đơn vị Viện/Trung tâm. Trên cơ sở đó các đơn vị khai thác sử dụng mới có phương án sử dụng triệt để hiện trạng tài sản hiện có mới mang lại nguồn thu bền vững cho trường; Tăng cường hợp tác để nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm với các đơn vị ngoài trường để khai thác hiệu quả hai trại này.

Rà soát và xây dựng quy chế khai thác, sử dụng hệ thống nhà xưởng, sân vận động, nhà thi đấu, phòng học, máy móc thiết bị hiện có để triển khai thực hiện hoạt động dịch vụ kết hợp với hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Trường một cách hiệu quả.

Quy hoạch không gian còn trống ở vành đai đường Đường Nguyễn Đình Chiểu, Khu thư viện và Khu nhà đá để đưa vào khai thác hiệu quả.

4.4. Nhóm giải pháp thứ tư: Thành lập doanh nghiệp Khoa học công nghệ thuộc Trường quản lý (nhằm nghiên cứu KH ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ, ...)

4.4.1. Cơ sở đề xuất

Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước nhằm đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững doanh nghiệp, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và đặc biệt đối có ý nghĩa với Trường ĐHNT trong lộ trình hướng tới tự chủ đại học.

Tại Trường ĐHNT, thời gian qua đã hình thành và đưa vào vận hành các đơn vị như: Viện Nghiên cứu Chế tạo tàu thủy, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển CN Phần mềm, Trung tâm Nghiên cứu Chế biến Thực phẩm, Trung tâm Nghiên cứu Giống và Dịch bệnh Thủy sản... đã và đang tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ NCKH và sản phẩm thương mại góp phần tạo uy tín, khẳng định năng lực nghiên cứu của NTU như: Tàu thuyền, thiết bị composite trong đánh bắt, nuôi trồng, dịch vụ sau thu hoạch thủy sản và thiết bị composite dân dụng (Viện Nghiên cứu Chế tạo tàu thủy); các sản phẩm nước mắm truyền thống, rong biển, giấm ăn, trái cây sấy, trà thanh nhiệt.. (Trung tâm Nghiên cứu Chế biến Thực phẩm); sản xuất thức ăn tươi sống trong thủy sản, sản xuất giống các

loại cá mú, cá bẹ, cá chim, cá chẽm, cá bớp, bước đầu thành công trong nghiên cứu sử dụng beta glucan, chitin, chitosan nhằm nâng cao đáp ứng miễn dịch bẩm sinh của cá chẽm, cá bớp và tôm thẻ chân trắng (Trung tâm Nghiên cứu Giống và Dịch bệnh Thủy sản). Các sản phẩm này đã thương mại, được xã hội chấp nhận và thậm chí nhận được nhiều giải thưởng thương hiệu.

Các đơn vị này đều là các đơn vị hạch toán độc lập đã và đang có những đóng góp tài chính cho Trường ĐHNH, thực hiện tự chủ toàn phần (Viện Nghiên cứu Chế tạo tàu thủy) hoặc tự chủ một phần (Trung tâm Nghiên cứu Chế biến Thực phẩm, Trung tâm Nghiên cứu Giống và Dịch bệnh Thủy sản).

Trường ĐHNH đã có nhiều cơ chế, chính sách đầu tư, khuyến khích các đơn vị phát triển KHCN. Tuy nhiên, thực trạng hoạt động của các đơn vị này còn chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của sự nghiệp đổi mới và chưa đạt mục tiêu đặt ra của Nhà trường. Bên cạnh những cơ hội, việc phát triển các sản phẩm KHCN còn gặp không ít khó khăn, thách thức và sức đóng góp tài chính về trường là chưa thỏa đáng.

Một số vấn đề đặt ra đó là:

- Thứ nhất, Nhà trường chưa nhất quán trong việc xây dựng chủ trương, định hướng và chiến lược, chính sách đối với các đơn vị trong việc hình thành các doanh nghiệp KHCN. Như vậy, Nhà trường cần xây dựng chiến lược phát triển các doanh nghiệp KHCN.

- Thứ hai, cơ chế, chính sách để các đơn vị hoạt động chưa rõ ràng, chưa có mục tiêu cụ thể trong việc ràng buộc các nghĩa vụ tài chính cũng như tạo động lực để các đơn vị này hoạt động hiệu quả. Như vậy, việc xây dựng cơ chế, chính sách cần cụ thể, rõ để các đơn vị này hoạt động theo đúng Luật doanh nghiệp và Luật KH&CN đảm bảo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Thứ ba, gắn chặt lợi ích của Nhà trường với lợi ích của các đơn vị tự chủ là các doanh nghiệp KHCN. Như vậy, Nhà trường phải là cổ đông chiến lược của các doanh nghiệp này và không tham gia vào quản lý trực tiếp, chỉ tham gia kiểm soát và thực hiện chức năng hỗ trợ.

4.4.2. Giải pháp thực hiện

Nhà Trường cần có định hướng thành lập các doanh nghiệp KHCN trên cơ sở rà soát, đánh giá hoạt động một cách toàn diện các đơn vị hiện tại có các sản phẩm KHCN đã cung ứng cho xã hội.

Xây dựng cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực và nghĩa vụ tài chính của các doanh nghiệp KHCN theo từng lộ trình ngắn hạn và dài hạn đảm bảo cam kết các nghĩa vụ trong tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

4.5. Nhóm giải pháp thứ năm: Tranh thủ các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân ngoài Trường để đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, ..., phục vụ các hoạt động sinh viên Trường.

4.5.1. Cơ sở đề xuất

Trường ĐHNT có nhiều lợi thế trong việc kết nối, hợp tác với các tổ chức ngoài trường về chuyển giao đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ cũng như phát triển các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp. Thống kê từ phòng Hợp tác Quốc tế cho thấy từ 2007 đến 2022 Trường ĐHNT đã ký thỏa thuận hợp tác với 102 tổ chức ngoài trường trong và ngoài nước (chưa kể các doanh nghiệp có kết nối với Trung tâm HTVL&KN). Điều này cho thấy vị thế, uy tín của Nhà trường trong đào tạo và chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó mở ra cơ hội rất lớn trong việc tiếp cận các nguồn tài trợ từ các tổ chức này nhằm gia tăng nguồn thu cho đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, học bổng..., phục vụ các hoạt động đào tạo và sinh viên.

Các nguồn tài trợ tài chính từ các đối tác ngoài trường chủ yếu tập trung vào các hoạt động cộng đồng (Mùa hè xanh, các cuộc thi, tiếp sức mùa thi, chuyến xe yêu thương...), học bổng khuyến học, quỹ khởi nghiệp, kinh phí đào tạo... Trong đó, Công ty Long Sing (từ 2015 -2022) đã tài trợ cho Nhà trường 525 triệu đồng, Tập đoàn Minh Phú cam kết tài trợ trên 10 tỷ đồng. Các doanh nghiệp còn lại tài trợ 30-50 triệu đồng học bổng hàng năm.

Một số điểm nổi bật trong hợp tác với các đối tác ngoài trường hiện nay cho thấy:

- Thứ nhất, trong số 8/102 đối tác là các doanh nghiệp đều có tài trợ tài chính trực tiếp. Còn lại (94/102) đối tác là các tổ chức giáo dục, tổ chức phi chính phủ chủ yếu thực hiện các Biên bản ghi nhớ hợp tác với Nhà trường ... nhưng chỉ dừng lại ở việc mở ra cơ hội cho Nhà trường trong chuyển giao công nghệ, giao lưu du học sinh, chia sẻ kết nối thông tin trong đào tạo. Như vậy, để gia tăng nguồn tài trợ tài chính cho Nhà trường cần đẩy mạnh hoạt động gắn kết, hợp tác với các đối tác là doanh nghiệp.

- Thứ hai, việc tài trợ tài chính chỉ mang tính nhỏ lẻ, chưa có hệ thống và mang tính ngẫu hứng, tự phát. Như vậy, Nhà trường cần xây dựng kế hoạch hoạt động cần tài trợ hàng năm, quy mô tài chính của từng hoạt động tài trợ mà Nhà trường đang có nhu cầu.

- Thứ ba, chưa có đơn vị đầu mối quản lý, thực hiện phân công triển khai các chương trình hợp tác với các đối tác cho các đơn vị thụ hưởng trong Nhà trường, nên chưa tận dụng được cơ hội mà các hợp tác này mang lại; chưa đánh giá kết quả của các chương trình hợp tác và hiệu quả sử dụng các nguồn tài trợ tài chính từ các đối tác mà Nhà trường đã kết nối.

- Thứ tư, chưa có đơn vị/bộ phận chuyên trách quản lý việc thực hiện/triển khai, duy trì các kết nối hợp tác và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động tài trợ để báo cáo kết quả sử dụng các khoản tài trợ cho các nhà tài trợ biết sức đóng góp, hiệu quả từ các

hoạt động tài trợ; chưa xây dựng kế hoạch và triển khai Hội nghị các nhà tài trợ thường niên hàng năm của Nhà trường.

- Thứ năm, việc tiếp nhận các khoản tài trợ tài chính hàng năm từ các đối tác ngoài trường mang tính cá nhân là chủ yếu. Như vậy, cần xây dựng hệ thống tài khoản tài trợ chung cho Nhà trường trong việc tiếp nhận tài trợ/ phân bổ các khoản tài trợ cho đối tượng thụ hưởng đúng như mong muốn của cam kết tài trợ mà đối tác yêu cầu.

Nguồn lực cựu sinh viên/sinh viên thành đạt tại Nhà trường là rất lớn. Trong thời gian qua, cựu sinh viên các lớp / khóa của các ngành đều tổ chức ngày trở về thăm trường thông qua hoạt động họp lớp và đều có các khoản tài trợ học bổng, tài trợ hoạt động cho các khoa viện. Ngoài ra, thông qua Cựu sinh viên thành đạt mở ra cơ hội hợp tác trong chuyển giao công nghệ, quảng bá, tuyển dụng là rất lớn và có ý nghĩa. Có thể nói việc gắn kết Cựu sinh viên/ cựu sinh viên thành đạt với Nhà trường là cơ hội để gia tăng các khoản tài trợ tài chính ròng cho Trường ĐHNT.

Một số điểm nổi bật trong gắn kết cựu sinh viên tại Nhà trường hiện nay cho thấy:

- Thứ nhất, động lực và lý do để thu hút cựu sinh viên về trường đó là cá nhân các thầy cô đã từng giảng dạy. Như vậy, việc kết nối với cựu sinh viên cần có sự tham gia của Quý thầy cô và có cơ chế khuyến khích, ghi nhận đóng góp của thầy cô trong các hoạt động cộng đồng (cái này Nhà trường đã đưa vào tiêu chuẩn phân loại lao động nhưng chưa nổi bật).

- Thứ hai, Các khoản tài trợ từ cựu sinh viên chưa xuất phát từ nhu cầu của đối tượng thụ hưởng mà chủ yếu là do trách nhiệm của họ đối với thế hệ sinh viên khóa sau. Như vậy, Nhà trường cần có những kế hoạch cần tài trợ (đối tượng được thụ hưởng, hoạt động cần tài trợ...) để kêu gọi vận động cựu sinh viên chung tay, từ đó nổi bật được hiệu quả của các nguồn tài trợ cũng như ý nghĩa, sức đóng góp của cựu sinh viên.

- Thứ ba, chưa có đơn vị đầu mối để kêu gọi, tiếp nhận nguồn tài trợ cung như công tác tổ chức, đón tiếp cựu sinh viên về trường. Như vậy, cần có đơn vị/bộ phận chuyên trách phụ trách mảng Cựu sinh viên/đối tác ngoài trường để quản lý, vận hành và triển khai các hoạt động đối với các đối tác ngoài trường.

4.5.2. Giải pháp thực hiện

- Thành lập bộ phận chuyên trách quản lý, vận hành các nguồn tài trợ.
- Xây dựng kế hoạch các hoạt động cần tài trợ hàng năm và kêu gọi các đối tác ngoài trường bao gồm: Cựu sinh viên, cựu cán bộ, Các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm....
- Xây dựng Fanpage của CSV, CCB
- Chủ động nắm thông tin, liên hệ với các doanh nghiệp và cựu sinh viên thông qua thư ngỏ, lời kêu gọi...; tổ chức các dịch vụ trong lễ tốt nghiệp.

4.6. Nhóm giải pháp thứ sáu: Xây dựng cơ chế tự chủ cho các Viện, Trung tâm trực thuộc Trường

4.6.1. Cơ sở đề xuất

Có thể nói việc xây dựng cơ chế tự chủ cho các Viện, Trung tâm đào tạo, Trung tâm nghiên cứu thuộc và trực thuộc trường trong bối cảnh hiện nay tại trường ĐHTN là rất cần thiết và cấp bách hơn bao giờ khi mà Nhà trường đang thực hiện lộ trình mô hình tự chủ đại học cho toàn trường. Việc tự chủ tại các Viện, Trung tâm thuộc trường một mặt giúp khai thác tối đa năng lực về nghiên cứu khoa học, tạo thế mạnh và uy tín cho Nhà trường và giảm bớt áp lực ngân sách, gia tăng đời sống CBNV cũng như khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện có.

Hiện nay đã có một số Viện/Trung tâm thực hiện tự chủ một phần/toàn phần về chi thường xuyên. Tuy nhiên việc đóng góp từ đơn vị này cho Nhà Trường còn khiêm tốn; tốt số viện, Trung tâm chưa có nguồn thu lớn.

Cơ chế thực hiện tự chủ còn phụ thuộc vào các quy định của Nhà nước.

4.6.2. Giải pháp thực hiện

Xây dựng cơ chế tự chủ từng phần/toàn phần đối với các Viện/Trung tâm trực thuộc Trường.

5. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN GIẢI PHÁP ĐỂ TĂNG CƯỜNG NGUỒN THU

| STT | Tên nhóm giải pháp | Nội dung | Đơn vị chủ trì/Phối hợp thực hiện | Thời gian thực hiện |
|-----|--|---|---|---------------------|
| 1 | Cải thiện và từng bước nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ dành cho sinh viên (Ăn uống, lưu trú, học tập, giải trí) | Rà soát lại hiện trạng dịch vụ cung cấp về lưu trú/ăn uống, học tập. | - Chủ trì: TTPVTH - Phối hợp: P. KHTC | 2024 |
| | | Quy hoạch/ thiết kế để khai thác tối đa không gian dịch vụ phục vụ sinh viên từ lưu trú/ăn uống và học tập. | - Chủ trì: TTPVTH - Phối hợp: P.TT-PC, P. KHTC | 2024 |
| | | Xây dựng kế hoạch cải tạo/tu sửa hiện trạng đang khai thác hướng tới gia tăng chất lượng phục vụ và năng lực phục vụ để gia tăng phí sử dụng dịch vụ. | - Chủ trì: TTPVTH - Phối hợp: TT-PC, P. KHTC | 2024 |
| | | Xây dựng cơ chế thu hút các đối tác vào khai thác, vận hành dịch vụ phục vụ sinh viên. | - Chủ trì: TTPVTH - Phối hợp: P.TT-PC, P. KHTC | 2024 |

| | | | | |
|---|---|--|--|---------------|
| 2 | Tăng cường nguồn thu từ hoạt động NCKH, hợp tác Quốc tế và chuyên giao công nghệ. | Tăng cường kết nối các đơn vị trong và ngoài trường để xây dựng các đề tài, dự án nhằm bổ sung nguồn thu từ đề tài NCKH, dự án; | - Chủ trì: P. KHCN - Phối hợp: TT HTVL&KH, các Khoa/Viện | 2024 |
| | | Xây dựng kế hoạch kết nối, tiếp thị với các doanh nghiệp đối với các lĩnh vực nghiên cứu mà Nhà trường có thế mạnh. | - Chủ trì: P. KHCN - Phối hợp: TT HTVL&KH, các Khoa/Viện | 2024 |
| | | Xây dựng quy chế về việc tổ chức Hội thảo cấp Quốc gia, Quốc tế (đặc biệt là cơ chế tài chính để tiến tới đảm bảo tự trang trải và tạo ra nguồn thu từ các hoạt động này). | - Chủ trì: P. KHCN - Phối hợp: P.KHTC, P.TT-PC, TTPVTH | 2024 |
| | | Xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy việc thương mại hóa từ kết quả nghiên cứu và chuyên giao công nghệ từ các đề tài nghiên cứu khoa học; hợp đồng tư vấn dịch vụ-công nghệ; các hợp đồng chuyên giao tài sản trí tuệ. | - Chủ trì: P. KHCN - Phối hợp: P. KHTC, P.TT-PC, các Khoa/Viện | 2024 |
| | | Rà soát bổ sung trong quy chế về thể lệ đăng bài nội dung thu phí và mức phí đối với các bài viết gửi đăng trên tạp chí KHCNTS để có nguồn tài trợ cho hoạt động này của Trường (tiền phản biện, tiền xuất bản...). | - Chủ trì: P. KHCN - Phối hợp: P. KHTC, P.TT-PC | 2024 |
| | | Tăng cường xây dựng hồ sơ dự án để xin tài trợ quốc tế; | - Chủ trì: P. HTQT - Phối hợp: P. KHCN, P. KHTC, các Khoa/Viện | 2024, 2025 |
| | | Xây dựng Quy chế về nhóm nghiên cứu và thực hiện thí điểm các nhóm nghiên cứu có đủ năng lực để thực hiện và tham gia đấu thầu các đề án cấp tỉnh/Bộ/Quốc gia/quốc tế | - Chủ trì: P. KHCN - Phối hợp: P. HTQT P. KHTC, P.TT-PC và các đơn vị liên quan | 2024, 2025 |
| 3 | Tăng cường hợp tác nghiên cứu và đào tạo | Xây dựng Đề án thành lập các doanh nghiệp KHCN | - Chủ trì: P. TCNS - Phối hợp: P.TT-PC, P. KHCN, P.KHTC | 2024 |

| | | | | |
|---|---|--|---|------|
| | <p>với các đối tác ngoài Trường để khai thác hiệu quả CSVC hiện có của Trường (Trại Cam Ranh, Trại Ninh Phụng, mặt bằng đất đai thuộc Khuôn viên Trường, nhà xưởng, phòng học, máy móc thiết bị... nhân rồi).</p> | <p>gắn với tự chủ các đơn vị Viện/Trung tâm.</p> | | |
| | | <p>Xây dựng phương án kinh doanh/ khai thác sử dụng tài sản hiện có của đơn vị.</p> | <p>- Chủ trì: Viện/Trung tâm Phối hợp: P. TTPC, P. KHTC, TTPVTH</p> | 2025 |
| | | <p>Xây dựng Kế hoạch hợp tác để nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm với các đơn vị ngoài trường để khai thác hiệu quả tại Trại Cam Ranh, Ninh Phụng.</p> | <p>- Chủ trì: Viện NTTS - Phối hợp: P.TT-PC, P. KHCCN, P. KHTC, TTPVTH</p> | 2024 |
| | | <p>Rà soát và xây dựng quy chế khai thác, sử dụng hệ thống nhà xưởng, sân vận động, nhà thi đấu, phòng học, máy móc thiết bị hiện có để triển khai thực hiện hoạt động dịch vụ kết hợp với hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Trường một cách hiệu quả.</p> | <p>- Chủ trì: TTPVTH/TTTNTH - Phối hợp: P. KHTC, P.TT-PC</p> | 2024 |
| | | <p>Quy hoạch không gian còn trống ở vành đai đường Đường Nguyễn Đình Chiểu, Khu thư viện và Khu nhà đá để đưa vào khai thác hiệu quả.</p> | <p>- Chủ trì: TTPVTH - Phối hợp: P. KHTC.</p> | 2024 |
| 4 | <p>Thành lập doanh nghiệp Khoa học công nghệ thuộc Trường quản lý (nhằm nghiên cứu KH ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ, ...)</p> | <p>Thí điểm chuyển đổi Viện NCCTTT, Trung tâm NCCBTP thành doanh nghiệp KHCCN trên cơ sở rà soát, đánh giá hoạt động một cách toàn diện các đơn vị này khi đã có các sản phẩm KHCCN đã cung ứng cho xã hội.</p> | <p>- Chủ trì: P. TCNS - Phối hợp: P. KHCCN, P. KHTC, P.TT-PC, P. Viện NCCTTT, Trung tâm NCCBTP.</p> | 2025 |
| | | <p>Xây dựng cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực và nghĩa vụ tài chính của các doanh nghiệp KHCCN theo từng lộ trình ngắn hạn và dài hạn đảm bảo cam kết các nghĩa vụ trong tự chủ, tự chịu trách nhiệm.</p> | <p>- Chủ trì: P. KHTC - Phối hợp: P. KHCCN, P. KHTC, P.TT-PC</p> | 2025 |

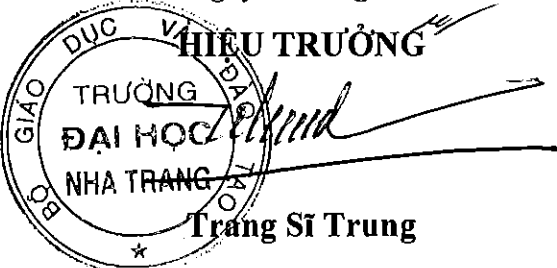
| | | | | |
|---|--|--|---|------------|
| 5 | Tranh thủ các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân ngoài Trường để đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, ..., phục vụ các hoạt động sinh viên Trường. | Xây dựng quy định/quy chế về nhận tài trợ tại Trường Đại học Nha Trang; | - Chủ trì: P. HTQT - Phối hợp: P.KHTC, P.TT-PC và các đơn vị | 2024 |
| | | Thành lập Quỹ phát triển NTU (Quỹ tín thác/Quỹ hiến tặng của NTU) và xây dựng dự thảo quy chế sử dụng Quỹ phát triển NTU | - Chủ trì: P.KHTC - Phối hợp: P.CTSV, TTHTVL&KN; các đơn vị liên quan | 2024 |
| | | Xây dựng kế hoạch các hoạt động cần tài trợ hàng năm và kêu gọi các đối tác ngoài trường bao gồm: Cựu sinh viên, cựu cán bộ, Các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm.... | - Chủ trì: P.KHTC - Phối hợp: KHCN, TTTTTH, TTPVTH, P.CNTT và các đơn vị liên quan | 2025 |
| | | Xây dựng Fanpage của CSV, CCB | - Chủ trì: P. CTSV, P.TCNS - Phối hợp: P. CNTT | 2024 |
| | | Liên hệ với các doanh nghiệp và cựu sinh viên thông qua thư ngõ, lời kêu gọi...; tổ chức các dịch vụ trong lễ tốt nghiệp. | - Chủ trì: P. CTSV, TTHTVL&KN - Phối hợp: P. ĐTĐH, P. ĐTS ĐH, P. KHTC | 2024, 2025 |
| 6 | Xây dựng cơ chế tự chủ cho các Viện, Trung tâm trực thuộc Trường | Xây dựng cơ chế tự chủ một phần/toàn bộ chi thường xuyên xuyên đối với các Viện/Trung tâm trực thuộc Trường. | - Chủ trì: P. KHTC - Phối hợp: P.TT-PC, P. TCNS, Các Viện/Trung tâm. | 2024 |

Nhằm thúc đẩy tăng nguồn thu ngoài hoạt động đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang hướng đến tăng cường khả năng tự chủ của Nhà trường trong thời gian tới, các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường cần tổ chức thực hiện các giải pháp trên nguyên tắc phù hợp với các quy định hiện hành.

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

Nơi nhận:

- Đảng ủy (để b/c);
- HĐT (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.



 HIEU TRUONG
 TRUONG
 ĐAI HOC
 NHA TRANG
 Trang Sĩ Trung